

Chi phí hàng năm (bắt đầu bằng bảng cân đối)

[GDSERVICE]

Người lập	Tên công ty	Tên công ty	
	#REF!		
Tài sản cố định	Số tiền	Thời gian khấu hao [1]	Ghi chú
Bất động sản-Đất đai		Không khấu hao	
Bất động sản-công trình kiến trúc		20	
Sửa chữa-nâng cấp tài sản thuê ngoài		7	
Công cụ dụng cụ		7	
Vật kiến trúc-Đồ dùng văn phòng		5	
Máy móc, thiết bị		5	
Khác		5	
Tổng tài sản cố định	\$ -		
Vốn điều hành	Số tiền	Ghi chú	
Tiền lương			
Bảo hiểm trả trước			
Hàng tồn kho			
Phi pháp lý và kế toán			
Chi phí thuế			
Chi phí tiện ích (khoản đặt cọc cho các chi phí tiện ích)			
Vật tư			
Quảng cáo và khuyến mãi			
Giấy phép			
Chi phí hoạt động ban đầu khác			
(Tài sản lưu động-Ts ngắn hạn)[2]			
Tổng cộng nguồn vốn	\$ -		
Tổng số vốn bắt buộc cần có	\$ -		

Nguồn kinh phí-Nguồn vốn	Tỉ lệ %	Tổng cộng	Lãi suất cho	Thời hạn-tháng	Thanh	Chú ý
Vốn chủ sở hữu	0.00%					
Nhà đầu tư	0.00%					
Khoản vay-nợ phải trả						
Vay thương mại	0.00%		9.00%	84	-	
Thế chấp thương mại	0.00%		9.00%	240	-	
Nợ tín dụng	0.00%		7.00%	60	-	
Khoản vay về máy móc, thiết bị	0.00%		6.00%	48	-	
Khoản nợ ngân hàng khác	0.00%		5.00%	36	-	
Tổng cộng nguồn vốn	0.00%	\$ -	-			
Tổng nguồn vốn cần thêm		\$ -	-			

See Loan Amortization & Depreciation Schedule/Xem bảng khấu hao

Tiền mặt đang nắm giữ	
Tiền mặt	-
Khoản phải thu	-
Chi phí trả trước	-
Khoản phải trả	-
Chi phí phát sinh	-
Tổng tiền mặt đang nắm giữ	\$ -

- cell D 42 must equal cell C31/6 D42 phải bằng ở C31  
- You are fully funded (Balanced)/Đủ số vốn cần có -cân bằng







Dự báo bán hàng năm 1-3

litifca.vn

Người lập: #REF!  
 Tên công ty: #REF!  
 Tỷ lệ tăng trưởng năm 1 so với năm 2: 10,00%  
 Tỷ lệ tăng trưởng năm 2 so với năm 3: 10,00%

Dạng sản phẩm	Tổng năm 1	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng năm 2	Phần tích các danh mục	Tỷ lệ các mục/ tổng tăng năm	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng năm 3	Phần tích các danh mục	Loại mặt hàng/Tổng	
<b>Sản phẩm 1</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
<b>Sản phẩm 2</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
<b>Sản phẩm 3</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
<b>Sản phẩm 4</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
<b>Product 5</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
<b>Sản phẩm 6</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%
<b>Tổng số đơn vị đầu vào</b>																																
#NAME?	#NAME?	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	0,0%	
Tổng doanh thu \$		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng giá vốn hàng bán \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	+	0,0%	0,0%
Tổng lợi nhuận \$	#REF!	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	\$	-	0,0%	0,0%

**Bổ xung đầu vào**

.ioffice.vn

Người lập  
#REF!

Tên công ty:  
#REF!

**Các khoản phải thu - Thời gian thu hồi tiền hàng (kỳ thu tiền bình quân)**

Tỷ lệ các kỳ thu tiền	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Thanh toán trước 30 ngày [14]	100%	100%	100%
Thanh toán từ 30-60 ngày [15]	0%	0%	0%
Thanh toán nhiều hơn 60 ngày [16]	0%	0%	0%
Dư phòng nợ khó đòi [17]	0%	0%	0%
<b>This should equal 100% ----&gt; bằng 100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**Các khoản phải trả**

Tỷ lệ Phần trăm các khoản thanh toán	Year 1	Year 2	Year 3
Phải thanh toán trong 30 ngày	100%	100%	100%
Phải thanh toán từ 30-60 ngày	0%	0%	0%
Phải thanh toán sau 60 ngày	0%	0%	0%
<b>This should equal 100% ----&gt;</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**Line of Credit Assumptions**

số dư tiền mặt tối thiểu mong muốn	0 [18]
Lãi suất tín dụng	8.00%

**Mua sắm tài sản cố định [19]**

Tài sản cố định	Khấu hao-năm	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng năm t1	Tổng năm	Tổng năm
Bất Động Sản	20													\$	-	
Sửa chữa (lớn)/nâng cấp tài sản đi thuê	7	#NAME?												#NAME?		
Công Cụ, dụng cụ	7													\$	-	
Vật kiến trúc-Đồ dùng văn phòng	5													\$	-	
Máy móc, thiết bị	5	#NAME?												#NAME?		
Tài sản cố định khác	5	#NAME?												#NAME?	\$	-
Tổng TS cố định		#NAME?	\$	-	\$	-	\$	-	\$	-	\$	-	\$	-	\$	-

**Ước tính thuế TNDN**

Thuế TNDN Năm 1	0.0%
Thuế TNDN Năm 2	0.0%
Thuế TNDN Năm 3	0.0%

**Khấu hao chi phí thành lập**

Thời gian khấu hao-năm	3
------------------------	---



## Chi phí hoạt động năm 1-3

1Office.vn

Người lập:

Tên công ty:

#REF!

#REF!

Chi tiết

#ERROR!

Tỉ lệ tăng trưởng từ năm 1-năm 2

#REF!

tỉ lệ tăng trưởng năm 2 so với năm 3

#REF!

Quảng cáo

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Chi phí xe cộ -ô VN có thể hiểu CP đi lại phục vụ mục đích kinh doanh

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Hoa hồng và lệ phí

#REF!

5,0%

#VALUE!

5,0%

#VALUE!

Hợp đồng LĐ theo thời vụ

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Bảo hiểm -trừ BH sức khỏe

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Dịch vụ pháp lý và các dịch vụ chuyên nghiệp

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Giấy phép

#REF!

5,0%

#VALUE!

5,0%

#VALUE!

Chi phí văn phòng

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Thuê ngắn hạn hoặc dài hạn-máy móc, thiết bị

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Thuê ngắn hạn hoặc dài hạn TS khác

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Sửa chữa và bảo trì

#REF!

5,0%

#VALUE!

5,0%

#VALUE!

Nguyên Vật liệu

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Chi phí tiếp khách-Chi phí du lịch, ăn uống, giải trí phục vụ mục đích kinh

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

CP Tiện ích

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

(khác)

#REF!

3,0%

#VALUE!

3,0%

#VALUE!

Tổng chi phí

\$ -

#VALUE!

#VALUE!

Chi phí khác

Khấu hao

#NAME?

#NAME?

#NAME?

Lãi vay

Vay thương mại

-

-

-

Thế chấp thương mại

-

-

-

Nợ tín dụng

-

-

-

Khoản vay về máy móc, thiết bị

#NAME?

#NAME?

#NAME?

Khoản nợ ngân hàng khác

#NAME?

#NAME?

#NAME?

Hạn mức tín dụng

#VALUE!

#VALUE!

#NAME?

Nợ xấu

-

Tổng chi phí khác

#NAME?

#NAME?

#NAME?

Tổng chi phí hoạt động

#NAME?

#VALUE!

#VALUE!











# Bảng cân đối năm 1-3

[10office.vn](http://10office.vn)

Người lập:

#REF!

Tên công ty:

#REF!

## Tài sản

#REF!

#REF!

#REF!

Tài sản lưu động

Tiền mặt

TK Phải thu KH

Hàng tồn kho

Chi phí trả trước

Chi phí ban đầu khác

**Tổng TS lưu động**

Tài sản cố định

BDS Đất đai

RBDS Nhà cửa, kiến trúc

Nâng cấp, sửa chữa tài sản thuê

Công cụ dụng cụ

Vật kiến trúc-Đồ dùng văn phòng

máy móc, thiết bị

Khác

**Tổng cộng TS Cố định**

Khấu hao lũy kế

**Tổng cộng tài sản**

## Nợ phải trả và vốn CSH

Nợ phải trả

TK Phải trả

Dư nợ vay thương mại

Dư nợ thế chấp thương mại

Dư nợ tín dụng

Dư nợ khoản vay máy móc

Dư nợ khoản vay ngân hàng khác

Dư nợ tín dụng

**Tổng nợ phải trả**

Nguồn vốn

Cổ phiếu thường

Lợi nhuận giữ lại

(Thặng dư vốn cổ phần?-Rút vốn CSH

**Tổng Vốn chủ sở hữu**

**Tổng nợ phải trả và VCSH**

**Cân đối hay ko cân**

# Phân tích điểm hòa vốn năm 1

10office.vn

Người lập

#REF!

Tên công ty:

#REF!

## Lợi nhuận gộp/tổng doanh thu

Lợi nhuận gộp	\$	-
Tổng doanh thu	\$	-
<b>Total Sales</b>	<b>Lợi nhuận gộp/tổng doanh thu</b>	<b>0,0%</b>

## Tổng chi phí cố định

Lương	\$	-
Chi phí hoạt động	#NAME?	
<b>Chi phí hoạt động + Lương</b>		<b>#NAME?</b>

## Doanh thu hòa vốn bằng Dollar (hàng năm)

Tỷ suất lợi nhuận gộp% doanh thu		0,0%
Tổng chi phí cố định	#NAME?	
<b>Doanh thu hòa vốn năm</b>	\$	-
<b>Doanh thu hòa vốn tháng</b>	\$	-

Mức bán hàng hòa vốn đại diện cho số lượng đơn vị phải được bán để hòa vốn. Điều này có nghĩa là doanh thu tương đương với chi phí. Bất kỳ đơn vị nào bán vượt quá số lượng này sẽ cho phép công ty tạo ra thu nhập ròng.

Một trong những cách sử dụng tốt nhất của phân tích điểm hòa vốn là để dự báo cho các kịch bản khác nhau. Ví dụ, nếu bạn thêm một người khác vào biên chế, cần bao nhiêu đô la doanh thu thêm để thu hồi chi phí tiền lương thêm? Nếu bạn đi vay, cần bao nhiêu tiền để trang trải các khoản thanh toán gốc và lãi suất tăng lên? Nhiều chủ sở hữu, đặc biệt là các nhà bán lẻ, muốn tính toán việc này hàng ngày. Điều này cho mọi người một mục tiêu hàng ngày.

Phương trình: Điểm hòa vốn = tổng chi phí cố định / (tổng lợi nhuận / tổng doanh thu)







## Tính giá vốn hàng bán

1Office.vn

Người lập:

#REF!

Tên công ty:

#REF!

### Chi phí biến đổi của Sản phẩm

Khung thời gian: tháng

Dòng sản phẩm: sản phẩm

Nguyên liệu thô

Lao động sử dụng để sản xuất sản phẩm

Chi phí liên quan đến vận chuyển và lưu kho nguyên liệu

Chi phí cơ sở sản xuất (sử dụng 1 phần nếu sử dụng cho các hạng mục khác)

Tổng chi phí sản xuất

\$

-

Số đơn vị bán trong khung thời gian (1 tháng)

Chi phí bán hàng trên 1 đơn vị

Vui lòng điền đầy đủ thông tin.

### Chi phí biến đổi của dịch vụ

Khung thời gian: tháng

Dòng sản phẩm: dự án

Số tiền chi cho lao động trong khung thời gian

Số tiền chi trả cho nguyên vật liệu trong khung thời gian

Liệt kê các chi phí biến đổi khác liên quan đến việc phân phối trong khung thời

Tổng chi phí dịch vụ

\$

-

Số đơn vị bán trong khung thời gian

Chi phí hàng bán trên 1 đơn vị

vui lòng điền đầy đủ thông tin.

[Return to Sales Forecast Year 1/Quay lại dự báo bán hàng năm 1](#)





[1] =====

ID#AAAAL2YVwBA

Author (2020-10-03 16:36:04)

Số năm khấu hao phải từ 3 năm trở lên để số liệu tính toán trong bảng tính được chính xác

[2] =====

ID#AAAAL2YVwBY

Author (2020-10-03 16:36:04)

Existing businesses should use the calculator at the bottom of this page to determine the Working Capital amount. Calculate the number, then enter it here.

[3] =====

ID#AAAAL2YVwBE

Author (2020-10-03 16:36:04)

These cells have been auto-populated, but can be overwritten if your payroll expenses increase over time. To restore the auto-population, enter this formula in the cell: =F[insert row number]. For example, the first row in this section would use: =F8.

[4] =====

ID#AAAAL2YVwAE

Author (2020-10-03 16:36:04)

Giới hạn Cơ sở Tiền lương là thu nhập gộp tối đa kiếm được mà trên đó một khoản thuế nhất định có thể được áp dụng. Nếu bạn đang trả một mức lương cao hơn số tiền đó, bạn sẽ cần phải tính số tiền đó vào tính toán của bạn. Số tiền dưới đây là cho năm 2012.

[5] =====

ID#AAAAL2YVwBI

Author (2020-10-03 16:36:04)

Con số này sẽ là xấp xỉ thuế FICA. Nếu tiền lương của cá nhân vượt quá giới hạn cơ sở tiền lương, con số này sẽ vượt quá thuế FICA và cần được điều chỉnh.

[6] =====

ID#AAAAL2YVwB0

Author (2020-10-03 16:36:04)

Thuế suất Thất nghiệp Liên bang là 6,2% từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011; và giảm xuống còn 6,0% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011. Hiện tại, nó vẫn được đặt ở mức đó, ít hơn một khoản tín dụng tối đa là 5,4% cho số tiền được trả theo luật bảo hiểm thất nghiệp của Tiểu Bang. Theo đó, thuế FUTA thuần bình thường là 0,6%. Thông tin này là vào tháng 11 năm 2015. Kiểm tra với IRS để biết thông tin hiện tại.

[7] =====

ID#AAAAL2YVwBk

Author (2020-10-03 16:36:04)

Mỗi tiểu bang có các mức giá SUTA khác nhau và giới hạn cơ sở tiền lương. Điều chỉnh ô này để phản ánh thông tin tiểu bang của bạn

[8] =====

ID#AAAAL2YVwAo

Author (2020-10-03 16:36:04)

For these benefits, the formula assumes part-time employees are included. If this is not the case, change the formula accordingly.

[9] =====

ID#AAAAL2YVwB4

Author (2020-10-03 16:36:04)

For these benefits, the formula assumes part-time employees are included. If this is not the case, change

the formula accordingly.

[10] =====

ID#AAAAL2YVv\_4

Author (2020-10-03 16:36:04)

For these benefits, the formula assumes part-time employees are included. If this is not the case, change the formula accordingly.

[11] =====

ID#AAAAL2YVwCM

Author (2020-10-03 16:36:04)

For these benefits, the formula assumes part-time employees are included. If this is not the case, change the formula accordingly.

[12] =====

ID#AAAAL2YVwA0

Author (2020-10-03 16:36:04)

TIP: Enter these in the plural form! Ex. projects, dresses, bikes, etc.

[13] =====

ID#AAAAL2YVwBs

Author (2020-10-03 16:36:04)

TIP: Click here to access a calculator that can help you determine your COGS per unit.

[14] =====

ID#AAAAL2YVwAc

Author (2020-10-03 16:36:04)

If you are a retail business or don't have accounts receivable put 100% for each year. /  
Nếu bạn là doanh nghiệp bán lẻ hoặc không có khoản phải thu đặt 100% cho mỗi năm

[15] =====

ID#AAAAL2YVv\_o

Author (2020-10-03 16:36:04)

In this field put the percentage of your sales that you expect to carry as A/R. If your business sells in cash, put 0%. Otherwise, estimate the percentage that will be paid between 30 and 60 days after sale. (Trong trường hợp này hãy để tỉ lệ phần trăm doanh thu bạn muốn được thanh toán như một khoản phải thu. Nếu DN của bạn bán hàng thu tiền mặt, để 0%. Mặt khác, hãy ước tính tỉ lệ % doanh thu thu được trong khoảng từ 30-60 ngày)

[16] =====

ID#AAAAL2YVwAU

Author (2020-10-03 16:36:04)

In this field put the percentage of your sales that you expect to carry as A/R but not paid for more than 60 days. If your business sells in cash, put 0%. Otherwise, estimate the percentage that will be paid more than 60 days after sale. (Trong trường hợp này hãy để tỉ lệ phần trăm doanh thu không thu được trong 60 ngày. Nếu DN của bạn bán hàng thu tiền mặt, để 0%. Mặt khác, hãy ước tính tỉ lệ % doanh thu thu được sau 60 ngày kể từ khi bán hàng)

[17] =====

ID#AAAAL2YVv\_0

Author (2020-10-03 16:36:04)

Allowance for bad debt is the percentage of total A/R you believe will not be collectable for whatever reason. It could be because your customer becomes insolvent or goes out of business. (Khoản nợ xấu là tỷ lệ phần trăm của khoản phải thu bạn tin rằng sẽ không thể thu hồi được vì bất cứ lý do gì. Đó có thể là do khách hàng của bạn bị mất khả năng thanh toán hoặc bỏ việc kinh doanh.)

If you can find an industry average for your industry, use that percentage. If in doubt, use either 0 or 1%. Many businesses that have good collection processes may have substantially less than 1% during a strong economy. Bankers like to see a figure here because it lets them know you are realistic about discounting the total value of your A/R as collateral for a potential loan. (Có thể sử dụng một tỷ lệ trung bình trong ngành của bạn. Nếu ko chắc chắn, để 0% hoặc 1%. Nhiều DN có tỉ lệ thu nợ tốt có tỉ lệ ít hơn 1%. Các ngân hàng muốn thấy 1 con số ở đây vì nó cho họ thấy bạn nhận thức được về việc giảm tổng giá trị của các khoản phải thu để đảm bảo khoản vay tiềm năng)

[18] =====

ID#AAAAL2YVwAk

Author (2020-10-03 16:36:04)

How low do you want to let your ending cash balance to get? The minimum should be \$0, but you might want to choose \$1000, \$5000, etc.

[19] =====

ID#AAAAL2YVwAY

Author (2020-10-03 16:36:04)

Use this space to add items purchased after the date of the starting point (Tab 1a).

[20] =====

ID#AAAAL2YVv\_8

Author (2020-10-03 16:36:04)

This line allows you to approximate the personal income tax of the owner(s). This is the tax on the profit for the business.

Dòng này cho phép bạn tính gần đúng thuế thu nhập cá nhân của (các) chủ sở hữu. Đây là thuế lợi tính trên nhuận cho doanh nghiệp

[21] =====

ID#AAAAL2YVv\_k

Author (2020-10-03 16:36:04)

Only record owner's draws above those already listed on the payroll tabs.

[22] =====

ID#AAAAL2YVwAs

Author (2020-10-03 16:36:04)

This line allows you to approximate the personal income tax of the owner(s). This is the tax on the profit for the business.

[23] =====

ID#AAAAL2YVwBw

Author (2020-10-03 16:36:04)

Only record owner's draws above those already listed on the payroll tabs.

[24] =====

ID#AAAAL2YVwBQ

Author (2020-10-03 16:36:04)

Also known as EBITDA (Earnings Before Interest, Taxes, Depreciation and Amortization). This metric allows for a comparison across different businesses, which might have different levels of taxes, depreciation, or interest. This number should be used in conjunction with other metrics, as it does not give a full picture of the health of the business.

Còn được gọi là EBITDA (Lợi nhuận trước Lãi, Thuế, Khấu hao và Khấu trừ). Số liệu này cho phép so sánh giữa các doanh nghiệp khác nhau, có thể có các mức thuế khác nhau, khấu hao hoặc lãi suất. Con số này nên được sử dụng cùng với các số liệu khác, vì nó không cung cấp hình ảnh đầy đủ về sức khỏe của doanh nghiệp.

[25] =====

ID#AAAAL2YVwCA

Author (2020-10-03 16:36:04)

Also known as EBITDA (Earnings Before Interest, Taxes, Depreciation and Amortization). This metric allows for a comparison across different businesses, which might have different levels of taxes, depreciation, or interest. This number should be used in conjunction with other metrics, as it does not give a full picture of the health of the business.

[26] =====

ID#AAAAL2YVwCI

Author (2020-10-03 16:36:04)

With some research, you can find industry norms for each ratio. The Risk Management Association provides Annual Statement Studies with this information, for a fee. Visit your local library to see if they have a free copy you can use. You can also refer to trade magazines or other sources of industry data, such as [www.bizstats.com](http://www.bizstats.com) or <http://biz.yahoo.com/p/industries.html>. You may need to use a mix of sources, as one source may not provide all of the data. Speak with your mentor to ensure that the industry norms you are using are relevant to your business.

Leave this column blank if you do not have the industry information.

[27] =====

ID#AAAAL2YVwAI

Author (2020-10-03 16:36:04)

An indication of a company's ability to meet short-term debt obligations.

Chỉ số cho biết khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

[28] =====

ID#AAAAL2YVwBU

Author (2020-10-03 16:36:04)

The ratio between all assets quickly convertible into cash and current liabilities. Measures a company's liquidity. Also called acid-test ratio.

Khả năng chuyển nhanh tài sản thành tiền mặt và nợ ngắn hạn. Đo lường tính thanh khoản của công ty.

[29] =====

ID#AAAAL2YVv\_s

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio expresses the relationship between capital contributed by creditors and that contributed by owners.

Tỷ lệ này thể hiện mối quan hệ giữa vốn góp của chủ nợ với sự đóng góp của chủ sở hữu.

[30] =====

ID#AAAAL2YVwCE

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio indicates how well your cash flow covers debt and the capability of the business to take on additional debt.

Tỷ lệ này cho thấy dòng tiền của bạn bao gồm nợ và khả năng của doanh nghiệp để nhận thêm khoản nợ

[31] =====

ID#AAAAL2YVwAM

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio calculates the percentage of increase (or decrease) in sales between the current year and the previous year.

Tỷ lệ này tính toán tỷ lệ phần trăm tăng (hoặc giảm) doanh thu giữa năm hiện tại và năm trước

[32] =====

ID#AAAAL2YVwAA

Author (2020-10-03 16:36:04)

The percentage of sales used to pay for the COGS (expenses which directly vary with sales) is expressed in this ratio.

Tỷ lệ doanh thu được sử dụng để thanh toán cho giá vốn hàng bán (chi phí thay đổi trực tiếp với doanh thu) được thể hiện theo tỷ lệ này.

[33] =====

ID#AAAAL2YVwAQ

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio indicates how much profit is earned on your products without consideration of indirect costs, selling and administration costs.

Tỷ lệ này cho biết số lợi nhuận kiếm được trên sản phẩm của bạn mà không xem xét chi phí gián tiếp, chi phí bán hàng và quản lý.

[34] =====

ID#AAAAL2YVwAg

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio measures the percentage of selling, general and administrative costs to your amount of sales. Tỷ lệ này đo lường phần trăm chi phí bán hàng, tổng quát và chi phí hành chính đối với số tiền bán hàng của bạn.

[35] =====

ID#AAAAL2YVwBc

Author (2020-10-03 16:36:04)

Net profit margin shows how much profit comes from every dollar of sales.

Tỷ suất lợi nhuận ròng cho thấy có bao nhiêu lợi nhuận đến từ mỗi đô la bán hàng.

[36] =====

ID#AAAAL2YVwA4

Author (2020-10-03 16:36:04)

Return on equity determines the rate of return on your investment in the business. As an owner or shareholder this is one of the most important ratios as it shows the hard fact about the business - are you making enough of a profit to compensate you for the risk of being in business?

Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu xác định tỷ lệ lợi tức đầu tư của bạn trong doanh nghiệp. Là chủ sở hữu hoặc cổ đông, đây là một trong những tỷ lệ quan trọng nhất vì nó cho thấy sự thật khó khăn về doanh nghiệp - bạn có đang kiếm đủ lợi nhuận để bù đắp cho rủi ro trong kinh doanh không?

[37] =====

ID#AAAAL2YVv\_w

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio measures how effectively assets are used to generate a return.

Tỷ lệ này đo lường mức độ hiệu quả của các tài sản được sử dụng để tạo ra lợi nhuận.

[38] =====

ID#AAAAL2YVwAw

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio measures the owner's compensation as a percentage of sales.

Tỷ lệ này đo lường mức bồi thường của chủ sở hữu theo phần trăm doanh thu.

[39] =====



ID#AAAAL2YVwBM

Author (2020-10-03 16:36:04)

Days in receivable calculates the average number of days it takes to collect your account receivable (number of days of sales in receivables).

số ngày trung bình cần để thu các khoản phải thu của bạn (số ngày bán hàng phải thu).

[40] =====

ID#AAAAL2YVwBg

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio tells you the number of times accounts receivable turnover during the year.

[41] =====

ID#AAAAL2YVwA8

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio shows the average number of days it will take to sell your inventory.

Thời gian thanh lý hàng tồn kho

[42] =====

ID#AAAAL2YVv\_g

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio calculates the number of times inventory is turned over (or sold) during the year.

[43] =====

ID#AAAAL2YVwB8

Author (2020-10-03 16:36:04)

This ratio indicates how efficiently your business generates sales on every dollar of assets.

[44] =====

ID#AAAAL2YVwBo

Author (2020-10-03 16:36:04)

Tiền mặt hợp lý với yêu cầu/Tiền mặt vượt quá 20% là cao so với yêu cầu